

Số: 2546 /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26/02/2018 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các đơn vị trực thuộc, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu VT; SDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Linh Thuớc

**QUY ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2546 /QĐ-KHTN ngày 27 tháng 12 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chi tiết chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên căn cứ theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ. (dưới đây gọi là Quy chế 166)

2. Quy định này áp dụng đối với các khóa đào tạo trình độ tiến sĩ tuyển sinh từ năm 2018 và do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp bằng tiến sĩ.

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài và do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

4. Các nội dung không nêu trong Quy định này sẽ áp dụng Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị chuyên môn: là Đơn vị phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Trưởng đơn vị chuyên môn: là Người phụ trách ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, có trình độ ngoại ngữ tốt để có thể trao đổi học thuật tra cứu tài liệu quốc tế.

Điều 4. Hình thức và ngôn ngữ đào tạo

1. Hình thức đào tạo: chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi khóa học bắt đầu.

2. Ngôn ngữ dùng trong đào tạo trình độ tiến sĩ là tiếng Việt. Các ngành đăng ký đào tạo bằng tiếng Anh hoặc Nghiên cứu sinh có nguyện vọng viết luận án bằng tiếng Anh phải được Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt.

Điều 5. Thời gian đào tạo:

1. Thời gian đào tạo chính quy trình độ tiến sĩ (kể từ khi có thông báo nhập học)

a) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học: 04 năm học

b) Đối với người có bằng thạc sĩ: 03 năm học

2. Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Quy định này.

3. Thời gian nghiên cứu sinh được điều động vào lực lượng vũ trang và nghỉ hộ sản theo qui định Nhà nước không tính trong thời gian đào tạo chính quy.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Loại chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

2. Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết với các đối tác bên ngoài ĐHQG-HCM, được chia thành các loại hình sau:

a) Chương trình đào tạo liên kết do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp văn bằng;

b) Chương trình đào tạo liên kết do trường Đại học Khoa học Tự nhiên và đối tác cùng cấp chung 1 văn bằng;

c) Chương trình đào tạo liên kết do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp 1 văn bằng và đối tác cấp 1 văn bằng.

3. Chương trình đào tạo tiến sĩ liên kết giữa các cơ sở đào tạo thuộc ĐHQG-HCM, được chia thành các loại hình sau:

a) Chương trình đào tạo liên kết do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp văn bằng

b) Chương trình đào tạo liên kết do các CSĐT thuộc ĐHQG-HCM cùng cấp chung 1 văn bằng;

b) Chương trình đào tạo liên kết do trường Đại học Khoa học Tự nhiên cấp 1 văn bằng và đối tác cấp 1 văn bằng.

Điều 7. Yêu cầu và cấu trúc chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (dưới đây viết tắt là: CTĐT) trình độ tiến sĩ nhằm giúp Nghiên cứu sinh (dưới đây viết tắt là NCS) hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản; Hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết.

Nội dung chương trình giúp hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn

3. Khối lượng kiến thức chương trình đào tạo:

a) Tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ

b) Tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Mỗi ngành đào tạo sẽ ban hành khung chương trình và qui định khối lượng kiến thức chương trình đào tạo riêng.

4. Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

4.1. Các học phần bổ sung:

a) NCS đã có bằng thạc sĩ: áp dụng đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần, ngành khác với ngành học trình độ tiến sĩ. NCS phải học các môn ở học phần bổ sung đã được Nhà trường xét duyệt trước khi nhập học.

b) NCS chưa có bằng thạc sĩ: NCS phải học tối thiểu 30 tín chỉ ở học phần thuộc trình độ thạc sĩ của ngành tương ứng với ngành học ở trình độ tiến sĩ.

4.2. Các học phần tiến sĩ: Mỗi NCS phải học tối thiểu 20 tín chỉ ở học phần tiến sĩ, bao gồm các môn học bắt buộc và môn học tự chọn như sau:

4.2.1. Môn học bắt buộc (9 tín chỉ):

a) Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ): yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ (6 tín chỉ): Mỗi NCS hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ (mỗi chuyên đề 3 tín chỉ). Chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

4.2.2. Môn học tự chọn (6 – 12 tín chỉ): Mỗi NCS hoàn thành tối thiểu 6 tín chỉ tự chọn (tối thiểu 2 môn) ở học phần tiến sĩ theo khung chương trình môn học của ngành đào tạo đã được ban hành.

4.3. Nghiên cứu khoa học: là nhiệm vụ bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ.

Nội dung, hướng nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. NCS phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

Các công trình khoa học công bố của NCS được tính kể từ sau khi có quyết định trúng tuyển NCS hoặc trong thời gian học dự bị tiến sĩ còn thời hạn 2 năm đến ngày trúng tuyển NCS.

4.3. Luận án tiến sĩ (tối thiểu 80 tín chỉ): là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

5. Cập nhật, hiệu chỉnh chương trình đào tạo:

a) Chương trình đào tạo không thay đổi đối với một khóa tuyển sinh. Việc sửa đổi chương trình đào tạo chỉ được áp dụng với khóa tuyển sinh mới.

b) Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ ít nhất 2 năm một lần.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 8. Tổ chức giảng dạy và quản lý hoạt động đào tạo

1. Các môn học ở học phần bổ sung: là học phần gồm các môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ cùng khóa dành cho các đối tượng như sau: (1) NCS chưa có bằng thạc sĩ; (2) NCS đã có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành gần hoặc ngành khác với ngành học tiến sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành học phần này trong 18 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

Nghiên cứu sinh sẽ đăng ký học các môn học ở học phần bổ sung theo lịch học của chương trình thạc sĩ cùng khóa. Việc đánh giá kết quả môn học như qui định đánh giá môn học của chương trình thạc sĩ hiện hành.

Điểm môn học đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung môn học ≥ 5.5 điểm

2. Các môn học ở học phần tiến sĩ:

2.1. Tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ): trong 6 tháng đầu của năm thứ 1 NCS phải hoàn thành tiểu luận tổng quan. Việc đánh giá tiểu luận tổng quan sẽ kết hợp với việc xét duyệt đề cương nghiên cứu luận án tiến sĩ của NCS, do đó trong phần trình bày tiểu luận tổng quan NCS cần báo cáo 02 nội dung như sau:

Tiểu luận tổng quan: báo cáo về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án: NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, từ đó rút ra mục đích, những vấn đề tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Đề cương nghiên cứu luận án: NCS cần khẳng định tên đề tài nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và dự kiến kết quả đạt được.

a) Nghiên cứu sinh thực hiện bài báo cáo “Tiểu luận tổng quan” và “Đề cương nghiên cứu luận án” theo hình thức tự học dưới sự hướng dẫn của tập thể cán bộ hướng dẫn.

b) Việc đánh giá “Tiểu luận tổng quan” được thực hiện bằng cách chấm điểm bài báo cáo của nghiên cứu sinh trước tiểu ban chuyên môn. Tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên.

Điểm đánh giá “Tiểu luận tổng quan” đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban ≥ 7.0 điểm.

Tiểu luận tổng quan được báo cáo lại 1 lần và phải sau lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc.

Sau 2 lần báo cáo nếu “Tiểu luận tổng quan” vẫn chưa đạt yêu cầu, Cán bộ hướng dẫn cần có báo cáo tình hình và khả năng học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét cho nghiên cứu sinh báo cáo lần 3.

c) Việc đánh giá “Đề cương nghiên cứu luận án” do tiểu ban chuyên môn nhận xét, đánh giá mức độ khả thi và đáp ứng yêu cầu đối với chất lượng luận án tiến sĩ. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xác định tên đề tài phù hợp với ngành đào tạo.

“Đề cương nghiên cứu luận án” đạt yêu cầu khi được tất cả thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá “thông qua”.

NCS được báo cáo lại lần 2 trên cơ sở góp ý của Tiểu ban chuyên môn lần 1. Thời gian báo cáo lần 2 phải sau lần thứ 1 tối thiểu 30 ngày làm việc.

Mỗi NCS chỉ được báo cáo đề cương nghiên cứu tối đa 3 lần. Sau 3 lần báo cáo vẫn chưa được Tiểu ban chuyên môn thông qua, CBHD phải có văn bản nhận xét đánh giá khả năng nghiên cứu của NCS để Nhà trường xem xét việc tiếp tục học tập của NCS.

2.2. Chuyên đề tiến sĩ: (02 chuyên đề - 6 tín chỉ)

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ trước khi đăng ký bảo vệ luận án, mỗi chuyên đề 3 tín chỉ. Các chuyên đề phải có nội dung khác nhau và là những kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài luận án, giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án

a) Chậm nhất là vào đầu năm học thứ 2, Cán bộ hướng dẫn sẽ gửi phiếu đăng ký chuyên đề tiến sĩ cho NCS (*tên chuyên đề, tóm tắt nội dung chuyên đề*) với Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo.

b) Nghiên cứu sinh thực hiện chuyên đề tiến sĩ theo hình thức tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của Cán bộ hướng dẫn (dưới đây được viết tắt là CBHD).

c) Sau khi hoàn tất chuyên đề, được sự đồng ý của CBHD, nghiên cứu sinh sẽ nộp báo cáo chuyên đề cho Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành để được báo cáo kết quả.

d) Đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo sẽ đề xuất Tiểu ban chuyên môn gồm ba (03) thành viên có học vị từ tiến sĩ trở lên và hiểu biết sâu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Đại diện tập thể cán bộ hướng dẫn có thể tham gia tiểu ban với vai trò là ủy viên.

e) Việc đánh giá các chuyên đề tiến sĩ được thực hiện bằng cách chấm điểm bài trình bày chuyên đề của nghiên cứu sinh trước tiểu ban chuyên môn.

Chuyên đề tiến sĩ đạt yêu cầu khi điểm trung bình chung của các thành viên tiểu ban đạt từ 7.0 trở lên.

Nếu kết quả báo cáo chuyên đề không đạt (< 7.0 điểm) thì nghiên cứu sinh được làm lại chuyên đề theo ý kiến đóng góp của tiểu ban chuyên môn. Thời gian báo cáo lần 2 chuyên đề tiến sĩ sau lần thứ nhất *tối thiểu 30 ngày làm việc*, kể từ khi họp đánh giá lần đầu. Sau 2 lần báo cáo vẫn không đạt, CBHD cần báo cáo khả năng học tập, nghiên cứu của Nghiên cứu sinh trước khi Nhà trường xem xét báo cáo lần 3 cho nghiên cứu sinh.

2.3. Các môn học tự chọn ở học phần tiến sĩ: là những học phần liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành đào tạo.

Mỗi NCS phải hoàn thành tối thiểu 06 tín chỉ thuộc các môn trong khung học phần tiến sĩ của ngành đào tạo.

Đơn vị phụ trách ngành đào tạo xây dựng khung chương trình học phần ở trình độ tiến sĩ. Mỗi môn học được thiết kế với thời lượng tối thiểu 2 tín chỉ.

Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá học phần tiến sĩ thực hiện như sau:

2 khóa/1 lần, Đơn vị phụ trách ngành sẽ mở các môn học tự chọn ở học phần tiến sĩ theo khung chương trình đã được Hiệu trưởng phê duyệt (tất cả NCS cùng khóa học chung môn học phần tiến sĩ). Nếu 1 khóa tuyển sinh có số NCS của ngành đào tạo ≥ 3 thì có thể mở môn học ngay năm đầu tiên mà không cần ghép 2 khóa học chung.

Giảng viên chỉ lên lớp hướng dẫn 50% thời lượng qui định của môn học, đồng thời hướng dẫn tài liệu để NCS tự nghiên cứu và hoàn thành môn học theo đúng thời lượng và nội dung học phần đã qui định.

Giảng viên phụ trách học phần sẽ qui định hình thức đánh giá học phần theo hình thức: vấn đáp, seminar hoặc thi viết. Điểm đánh giá là thang điểm 10 lấy lẻ đến 0,5.

Đối với hình thức thi viết: việc tổ chức thi sẽ do phòng đào tạo Sau đại học đảm trách và tổ chức cùng với đợt thi kết thúc học phần chung của Trường.

Đối với hình thức thi vấn đáp hay báo cáo seminar: do giảng viên sắp xếp lịch báo cáo và thông báo cho do phòng đào tạo Sau đại học được biết.

Điểm học phần được đánh giá đạt, khi kết quả thi phải đạt từ **5.5 trở lên** và NCS phải đảm bảo thực hiện thời lượng học đúng qui định của giảng viên phụ trách môn học. NCS có kết quả học phần tiến sĩ không đạt thì phải đăng ký học lại cùng khóa sau và phải tự túc chi phí học lại theo mức thu hiện hành.

3. Nghiên cứu khoa học và luận án:

3.1. Nghiên cứu khoa học:

a) Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải có ít nhất 02 bài báo khoa học (NCS là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (*corresponding author*); có ghi tên trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM) công bố kết quả thực hiện đề tài luận án trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học thuộc danh mục quy định tại mục d, khoản 3, Điều 8, Quy định này;

NCS thuộc các ngành Toán học thì có thể không đứng tên đầu trong nhóm tác giả nhưng phải được tập thể tác giả xác nhận NCS là tác giả chính.

b) Các bài báo khoa học của NCS phải được tập thể cán bộ hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài.

c) Bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án trong thời gian học dự bị tiến sĩ và còn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày đăng ký học dự bị tiến sĩ đến khi trúng tuyển NCS chính thức, được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

d) Tiêu chuẩn danh mục bài báo khoa học của NCS như sau:

- **Đối với NCS khóa tuyển năm 2018:** Trước khi đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, NCS đã công bố tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo về nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án, trong đó phải có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

- **Đối với NCS từ khóa tuyển năm 2019 trở đi:** Trước khi đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, NCS đã công bố tối thiểu 02 bài báo về nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế uy tín, có phản biện, xuất bản bằng tiếng nước ngoài hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài uy tín, có phản biện.

e) Qui cách viết tên trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM trong công bố khoa học của NCS: xem chi tiết trong văn bản hướng dẫn việc thực hiện quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ áp dụng từng khóa tuyển sinh.

f) Đặc cách bỏ qua qui trình phản biện độc lập:

NCS là tác giả chính của tối thiểu 03 bài báo trên các tạp chí ISI với tổng chỉ số IF từ 3.0 trở lên và kết quả công bố phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án, được đặc cách bỏ qua

quy trình phản biện độc lập. Hội đồng chấm luận án cấp đơn vị chuyên môn sẽ thẩm định sự phù hợp nội dung các bài báo với đề tài nghiên cứu của luận án.

3.2. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Điều 9. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. NCS được đề nghị **thay đổi** tên đề tài luận án vào các thời điểm như sau:

a) Khi báo cáo tiểu luận tổng quan NCS được đề nghị thay đổi tên đề tài luận án và phải được tiểu ban chuyên môn thông qua;

b) Chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khóa học theo quyết định nhập học (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có) và chỉ được chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng. Tiểu luận tổng quan và đề cương nghiên cứu của đề tài mới phải được Tiểu ban chuyên môn thông qua.

2. **Việc điều chỉnh tên đề tài luận án:**

a) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện trước khi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn 3 tháng: căn cứ theo đơn đề nghị của NCS, ý kiến của người hướng dẫn và đề xuất của Trưởng đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

b) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án được thực hiện theo góp ý của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, căn cứ trên kết luận của Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

c) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo góp ý của phản biện kín: (1) NCS và người hướng dẫn được đề nghị bảo lưu ý kiến và không điều chỉnh tên đề tài. (2) NCS và tập thể CBHD đồng ý điều chỉnh tên đề tài theo ý kiến của phản biện kín, tuy nhiên việc điều chỉnh này sẽ được xem xét sau khi có ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

d) Việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo, căn cứ trên kết luận của Hội đồng cấp cơ sở đào tạo, Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh tên đề tài luận án chính thức.

3. **Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn** được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định nhập học (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng.

4. **Việc chuyển cơ sở đào tạo** được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định nhập học và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tổ chức kiểm tra kiến thức, năng lực nghiên cứu, năng lực ngoại ngữ của NCS.

Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo và NCS có thể đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo chuyển đến, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có).

Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

5. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua trong thời gian học chính qui theo quyết định công nhận NCS. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày luận án được Hội đồng đánh giá cấp đơn vị chuyên môn thông qua, Nhà trường phải tổ chức đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo.

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn 2 tháng, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian gia hạn, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại) thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này. Thời gian hoàn thành chương trình học tập tối thiểu là 24 tháng.

Chương IV

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 10. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 11 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018.

Điều 11. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

Người hướng dẫn NCS thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 12 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018.

Điều 12. Nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 13 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018. Ngoài ra NCS phải đảm bảo thực hiện đúng các qui định như sau:

1. Trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS phải có ít nhất 02 bài báo khoa học (NCS là tác giả chính: tác giả đứng tên đầu, tác giả liên lạc (*corresponding author*); có ghi tên trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM). Công bố kết quả thực hiện đề tài luận án trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị khoa học thuộc danh mục quy định tại điểm d, khoản 3.1, Điều 8 quy định này; các bài báo khoa học này phải được tập thể cán bộ hướng dẫn thông qua và chấp thuận trước khi tiến hành thủ tục đăng bài. Bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án trong thời gian học dự bị tiến sĩ được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức.

2. Vào giữa tháng 10 hàng năm, nghiên cứu sinh phải nộp đề cương học tập năm học mới cho đơn vị chuyên môn, bao gồm: báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu; kế hoạch học tập, nghiên cứu trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá;

3. Có nghĩa vụ đóng học phí đầy đủ và đúng hạn theo qui định của Nhà trường.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo

1. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa hoặc cấp trường đương xác định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ, hướng nghiên cứu, ...;

Phối hợp với phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành các thủ tục xét duyệt khung chương trình đào tạo trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh;

3. Xem xét và đề cử thành viên tiểu ban chuyên môn xét duyệt đề tài luận án, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh;

4. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh tham gia giảng dạy, tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập;

5. Quy định lịch báo cáo định kỳ ít nhất hai lần một năm để nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu; trao đổi với tập thể cán bộ hướng dẫn để nắm tình hình học tập, tiến độ nghiên cứu, kết quả đào tạo và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập và nghiên cứu đối với từng nghiên cứu sinh;

6. Phối hợp với phòng Đào tạo Sau đại học tiến hành các thủ tục xét duyệt điều chỉnh đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt;

7. Có các biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu;

8. Định kỳ vào tháng 11 hàng năm báo cáo về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

9. Phối hợp với phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp đơn vị chuyên môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp cơ sở đào tạo trên cơ sở đánh giá của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và phản biện độc lập.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 14. Trách nhiệm của phòng đào tạo Sau đại học

1. Phòng Đào tạo Sau đại học thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 15 của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ do Giám đốc ĐHQG-HCM ban hành theo Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Hiệu trưởng.

a) Tư vấn đề Hiệu trưởng ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài luận án, ngành học, người hướng dẫn và thời gian đào tạo chính thức của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

b) Tổ chức và quản lý đào tạo theo chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Tạo điều kiện về mặt hành chính để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế.

c) Phối hợp với đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo tổ chức cho NCS bảo vệ luận án các cấp theo đúng quy định của ĐHQG-HCM và Nhà trường.

d) Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và công nhận các học phần, cấp bằng điểm học tập cho nghiên cứu sinh; quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo qui định.

đ) Quản lý trang web phục vụ công tác đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo công bố công khai, cập nhật và duy trì thường xuyên thông tin về các luận án tiến sĩ (tóm tắt luận án bằng tiếng Việt, giới thiệu luận án bằng tiếng Anh từ khi chuẩn bị bảo vệ) danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; các đề tài luận án đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

Chương V

LUẬN ÁN, TÓM TẮT LUẬN ÁN VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hình thức trình bày luận án, tóm tắt luận án và quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ được thực hiện theo theo Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của ĐHQG-HCM; Quy định số 2547/QĐ-KHTN, ngày 27/12/2019 của trường ĐH KHTN.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 15. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện theo Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 và Điều 29 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành.

Điều 16. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở đào tạo thông qua đủ 90 ngày;

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở đào tạo và được người hướng dẫn, chủ tịch Hội đồng và Hiệu trưởng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải được ĐHQG-HCM hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận đạt yêu cầu; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của ĐHQG-HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành;

d) Đã nộp lưu quyền luận án, tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng trường ĐH KHTN (cả bản in và file pdf) cho Thư viện Trường ĐH KHTN; Thư viện ĐHQG-HCM và Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. NCS đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, Trường ĐH KHTN báo cáo ĐHQG-HCM hồ sơ xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh để đăng ký phôi văn bằng tiến sĩ.

3. Sau khi được ĐHQG-HCM phê duyệt phôi văn bằng tiến sĩ, Hiệu trưởng trường ĐHKHTN ban hành quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Trường ĐH KHTN công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng trên website: <https://sdh.hcmus.edu.vn/> và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng của nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Việc khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong công tác đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 của Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 do ĐHQG-HCM ban hành

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017 (bao gồm đợt 1 và đợt 2) trở về trước thực hiện theo Quy chế 1020-QĐ-ĐHQG-ĐH&SDH, ngày 10/9/2010 của ĐHQG-HCM, Quy định 317/QĐ-KHTN-SDH ngày 28/3/2011 của trường ĐH KHTN; Quy định 318/QĐ-KHTN-SDH ngày 28/3/2011 của trường ĐH KHTN về đào tạo trình độ tiến sĩ; Quy định 2169/QĐ-KHTN-SDH ngày 26/12/2014.

Quy định về việc thay đổi hướng nghiên cứu đề tài; điều chỉnh tên đề tài được thực hiện theo hướng dẫn của Quy định này và Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của ĐHQG-HCM

2. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2018 (bao gồm đợt 1 và đợt 2) trở đi thực hiện theo Quy định này và Quy chế 166/QĐ-ĐHQG, ngày 26/02/2018 của ĐHQG-HCM.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Căn cứ tình hình thực tế, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Linh Thuớc